

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG
Số: 23/2021/QĐST- DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
M, ngày 14 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 05 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 283/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978 trú tại ấp L, xã C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Đ** (Văn bản ủy quyền số 9176 ngày 21/07/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Có bà **Trần Thị Ngọc Gi** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang bảo vệ quyền lợi cho bà **Nguyễn Thị Đ**.

* **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim Th**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chị **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1993 trú tại số H, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim Th** (Văn bản ủy quyền số 16293 ngày 12/12/2020).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh **Phan Văn B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Anh **Phan Văn A**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Chị **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1993 trú tại số H, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh **Phan Văn B**, anh **Phan Văn A** (Văn bản ủy quyền số 16293 ngày 12/12/2020).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th và chị Trương Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn B, anh Phan Văn A thỏa thuận thống nhất cụ thể như sau:

Sau khi xác định phần đất chia cho hộ ông Phan Văn L có 04 thành viên gồm ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông L) và anh Phan Văn B, anh Phan Văn A (con ông L) thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 23, loại đất quả CNL có diện tích đo đạc thực tế là 502.7 m² tại Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00997 QSDĐ/1555/QĐ.UB (16/09/2004) ngày 30/09/2004 cho hộ ông Phan Văn L. Xác định di sản thừa kế của ông Phan Văn L (chết năm 2019) để lại là 01 phần đất thuộc thửa đất 34 nêu trên có giá trị quy thành tiền là 380.000.000 đồng được chia cho 04 kỹ phần thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông L), bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông L) và anh Phan Văn B, anh Phan Văn A (con ông L). Mỗi kỹ phần có giá trị là 95.000.000 đồng.

Sau khi xác định phần đất chia cho hộ ông Phan Văn L có 04 thành viên gồm ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông L) và anh Phan Văn B, anh Phan Văn A (con ông L) thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 23, loại đất ONT + CNL có diện tích đo đạc thực tế là 939.5 m² tại Ấp H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00996 QSDĐ/1555/QĐ.UB (16/09/2004) ngày 30/09/2004 cho hộ ông Phan Văn L. Xác định di sản thừa kế của ông Phan Văn L (chết năm 2019) để lại là 01 phần đất thuộc thửa đất 46 nêu trên có giá trị quy thành tiền là 640.000.000 đồng được chia cho 04 kỹ phần thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông L), bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông L) và anh Phan Văn B, anh Phan Văn A (con ông L). Mỗi kỹ phần có giá trị là 160.000.000 đồng.

Xác định di sản thừa kế của ông Phan Văn L để lại gồm: $\frac{1}{2}$ giá trị cấu trúc căn nhà có diện tích 132.3 m² xây trên thửa đất 46, tờ bản đồ số 23 nêu trên ($\frac{1}{2}$ giá trị cấu trúc căn nhà còn lại thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim Th) + $\frac{1}{2}$ giá trị cấu trúc hàng rào, cổng rào xây trên thửa đất số 34 và thửa đất số 46 cùng thuộc tờ bản đồ số 23 ($\frac{1}{2}$ giá trị cấu trúc hàng rào, cổng rào còn lại xây trên thửa đất số 34 và thửa đất số 46 nêu trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim Th) + $\frac{1}{2}$ giá trị toàn bộ cây trồng trên thửa đất số 34 và thửa đất số 46 cùng thuộc tờ bản đồ số 23 ($\frac{1}{2}$ giá trị toàn bộ cây trồng còn lại tại thửa đất số 34 và thửa đất số 46 nêu trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim Th) có giá trị quy thành tiền là 260.000.000 đồng được chia cho 04 kỹ phần thừa kế gồm bà Nguyễn Thị Đ (mẹ ruột ông L), bà

Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông L) và anh Phan Văn B, anh Phan Văn A (con ông L). Mỗi kỷ phần có giá trị là 65.000.000 đồng.

Hiện nay bà Nguyễn Thị Kim Th đang quản lý toàn bộ di sản của ông Phan Văn L để lại như đã nêu trên có tổng giá trị là 1.280.000.000 đồng chia cho 04 kỷ phần thừa kế như trên, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 320.000.000 đồng.

Ghi nhận tự nguyện của anh Phan Văn B và anh Phan Văn A (con ông L, bà Th) thống nhất giao lại kỷ phần thừa kế mà anh B và anh A được hưởng từ ông Phan Văn L cho bà Nguyễn Thị Kim Th được trọn quyền quản lý, sử dụng. Bà Nguyễn Thị Kim Th được hưởng trọn quyền 03 kỷ phần di sản thừa kế của ông Phan Văn L để lại có giá trị là 960.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền một kỷ phần thừa kế của ông Phan Văn L để lại là 320.000.000 đồng. Thời gian bà Nguyễn Thị Kim Th giao cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 320.000.000 đồng vào ngày 06/06/2021 là hoàn tất.

Khi bà Nguyễn Thị Đ nhận đủ số tiền 320.000.000 đồng như đã thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị Kim Th được trọn quyền sử dụng phần đất thuộc di sản thừa kế của ông Phan Văn L để lại tại thửa số 34 và thửa số 46 cùng tờ bản đồ số 23 và bà Nguyễn Thị Kim Th được trọn quyền sở hữu cấu trúc căn nhà xây trên thửa đất 46 + sở hữu cấu trúc hàng rào, cổng rào xây trên thửa đất số 34 và thửa đất số 46 + sở hữu toàn bộ cây trồng trên thửa đất số 34 và thửa đất số 46 cùng thuộc tờ bản đồ số 23 nêu trên.

(Có Bản vẽ đo đạc hiện trạng thửa đất số 34 và thửa đất số 46 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Incom lập ngày 14/01/2021 đính kèm)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Đ do bà Đ có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí thuộc trường hợp là người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị Kim Th tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.400.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP M, TG;
- Chi cục THADS TP M, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo